

# Phổ biến kiến thức

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

## Không gian cây cỏ trong di tích

Qua những hướng thông thường đã gặp, người Việt hầu như ít chú ý đến chính hướng. Nhưng, theo thuyết Phong Thủy và nhất là với tư tưởng "Hòa" vào vũ trụ, thiên nhiên, họ rất tôn trọng những gì mà trời đất đã sinh ra. Họ dựa vào trời đất để cùng tồn tại. Vì thế sự cải tạo không gian bao quanh di tích là rất hạn chế, bởi người ta tin rằng những ao, chuôm, dòng chảy, núi đồi... là những chuẩn mực của tự nhiên tạo nên thế đất thiêng liêng tụ phúc, sự tác động của con người một cách quá đáng sẽ làm cho thế phong thủy bị cạn mòn. Thế đất đẹp nhất của di tích, về nguyên tắc bao giờ cũng mang tính dương cơ, cao, nhuận, cây cối tốt tươi, chim chóc tụ hội, phía trước có dòng chảy, hồ, đầm tự nhiên. Đằng sau có thể tựa mang tính hậu chẩm. Đằng trước có tiền án hoặc nhiều núi, gò, đồi châu về. Tất cả những núi, gò ấy không nhất thiết ở sát ngay di tích mà gần xa chỉ mang tính tương đối. Một mảnh đất dựng di tích thiêng liêng còn được nghĩ tới phải có thế tay long - trái, tay hổ - phải (sau này đối với những di tích quay hướng Nam thường coi gò đồi ở bên trái, phải ấy đều gọi là tả thanh long, hữu bạch hổ). Nhìn chung, ở luật Phong Thủy không thể thiếu nguồn nước, đặc biệt nước ở phía trước để tạo nên một thế "đầu gối sơn, chân đạp thủy". Người ta tin rằng với thế đất như vậy thì sức mạnh của Thần sẽ lớn hơn và sự ban ân huê cho con người càng nhiều.

Tuy nhiên, như trên đã nói, mảnh đất đó phải được tươi nhuận và hình thức này chủ yếu được dựa vào cây cối. Trong cuộc sống tâm linh, tư duy của người Việt hội dẫn vào những cây thiêng, cây thế, gán chúng những tinh thần biểu tượng để chúng mang những giá trị vượt ra ngoài cơ thể vật chất bình thường. Do ngôi Chùa đã đi cùng với người Việt từ thời kỳ Bắc thuộc, Chùa được "nâng đỡ" bởi một hệ thống giáo lý rõ ràng, được nhiều người tin theo...Nên từ rất sớm, người Việt đã coi kiến trúc này như một trung tâm sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Người ta hội tụ những linh thụ về đây, thực ra, những cây ấy không hẳn đã xa cách

với đời thường nhưng ở trong khuôn viên Chùa, nó được hội tụ một số ý nghĩa riêng khá cụ thể. Trước hết, bởi "cõi" của đức Phật và thần Việt là đã mang tư tưởng "hòa" vào mệnh mệnh để tồn tại, nên trước đây không một kiến trúc liên quan nào được dựng cao hơn cây. Hiện tượng này nhằm giải tỏa sự bế tắc áp đặt của kiến trúc (phần này sẽ trình bày sau), để ngôi chùa/đền như "tan" vào trong cây cỏ.

Chúng ta có thể thấy được ở đây những cây thiêng như: tre, trúc, đề, đại (sứ), mít, sung, thông, gạo...

### Tre, trúc:

Cây tre thường được bao quanh Chùa như một hàng rào, cây trúc thường được trồng tại vườn ở những Chùa trên núi, hoặc trúc quân tử được trồng trong chậu cảnh trước cửa Chùa. Tuy nhiên, chúng đều có ý nghĩa chung như sau:

- Tre, trúc thường mọc thành bụi, mang tính "đồng cây ẩm bụi", như sự hội tụ của chúng sinh nơi cửa Phật.

- Loại cây này mưa gió, bão tố không đánh đổ được, dù có nghiêng ngả đến đâu thì cuối cùng cũng tự dựng dậy. Cũng như người theo đạo Phật gặp khó khăn, trắc trở đến mấy cũng theo ngọn tuệ đặng mà tìm đường giải thoát. Đồng thời với đời nó như một biểu tượng của một đại tâm "tùy duyên mà hóa độ" (theo đạo Phật, dù ở bất kể điều kiện ác nghiệp nào cũng có thể giáo hóa được đối tượng của mình).

- Tre, trúc có ruột rỗng, nhằm để biểu hiện "tâm không" của đạo Phật, đó là nói về cái bản thể chân như, cốt lõi uyên nguyên chung/ cùng của muôn loài, muôn vật, dẫn tới phát triển đại từ tâm, một cứu cánh của Phật đạo. Ý nghĩa này như một nền tảng của "sắc - không". Cổ pháp chủ chùa Hoè Nhai đã cho biết: lấy đầu chiếc lông thỏ, gọi là "mao thỏ trần" chia 7 được "thủy trần"; "thủy trần" chia 7 được "kim trần". Lần lượt như thế được "sắc tụ trần", "cực vi", "lân hư trần" và cuối cùng là "sắc biến tế tướng". Tới đây quá nhỏ không thể chia được nữa và cũng không còn mang tính chất của lông thỏ hay bất kể của loại thể chất nào, đó là

cốt lõi bản thể chung của muôn loài, muôn vật. Những vật thể vô cùng nhỏ bé ấy do "duyên" (những lý do, điều kiện khác nhau) mà kết hợp lại để thành muôn loài, muôn vật "có nghĩa không tức thị sắc". Nhưng muôn loài, muôn vật lệ thuộc vào quy luật "vô thường" mà không tồn tại vĩnh viễn (sắc tức thị không).

Qua đây chúng ta có thể hiểu được một trong những khía cạnh sâu xa mang tính bản thể của đạo Phật.

Mặt khác, cây tre có dóng thẳng nên còn mang tư tưởng thẳng ngay để nó đại diện cho "chính nhân quân tử".

Cũng bởi có đốt, vì thế mà tre, trúc mang tư cách như một trục thông linh (thường được dùng làm cột cờ thần, cờ hội, để dẫn linh hồn vào đường giải thoát, như trong lễ "phá ngục cứu vong" hay trong một số lễ khác. Đồng thời cũng qua đốt của nó mà mang tính chất của sự gián đoạn (hình thức này chỉ gắn với cuộc sống đời thường).

Với những ý nghĩa như trên, ở một khía cạnh nào đó người ta cũng như thấy được ở cây mía mang tư cách trục thông linh, con đường đi về của tổ tiên (cây Mía phải có lá để tượng trưng cho tầng trên và có đốt để cho tổ tiên bước về vui xuân với con cháu).

#### Cây Đe:

Đe là một loại thân gỗ lớn, cành lá um tùm, ít khi sống thành rừng. Cây Đe được đưa vào hệ thống tôn giáo tín ngưỡng có lẽ sâu sắc nhất là với đạo Phật. Sự tích kể rằng khi đức Phật rời núi Tuyết vì không tìm được chân lý cứu đời, Ngài đã uống sữa của cô gái chăn bò, tắm rửa sạch sẽ, ngồi suy ngẫm dưới gốc cây đe mà tìm được con đường của Đạo pháp. Người ta giải thích rằng Buddha (Bụt) là đấng toàn năng giác ngộ. Còn chữ Bôdhi là Bồ đề, gắn với Buddha nên cũng mang yếu nghĩa là giác ngộ. Từ đó cây Bồ đề gắn với ngôi Chùa để tượng trưng cho trí tuệ Phật. Một thời rất dài Bồ đề ở đâu được coi như Phật ở đó, vì đạo Phật là Đạo của trí tuệ, nhờ trí tuệ nên diệt trừ được vô minh, tức ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Vì thế, Bồ đề mang tư cách giáo hóa chúng sinh hành thiện trên nền tảng trí tuệ. Nhiều nhà sư đã lấy biểu tượng Bồ đề hoặc lá Bồ đề để nói về tâm nguyện của mình. Còn ở những Chùa Việt phần nào cũng chịu ảnh hưởng của quy luật âm dương, người ta xếp Bồ đề là một loại cây mang dương tính. Đồng thời, người Việt cũng coi ngôi Chùa là miền đất trí tuệ, thánh thiện, chúng sinh muốn nhập vào cảnh thiên thì trước hết phải giữ cho tâm thanh, lòng tĩnh. Cây Bồ đề được coi như một biểu tượng để nhắc nhở con người dẹp lòng trần trước khi bước qua



Tượng gỗ - Thanh hóa - Ảnh: T.L.

"Tam quan". Như thế, cây Bồ đề thường được đặt ở phía trước Tam quan để dễ tiếp cận với đời và vì mang dương tính nên ở phía bên trái. Hiện nay, có hai cội Bồ đề lớn, như ở chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Tây), chùa Lại Đà (Đông Anh, Hà Nội).

#### **Cây Đại:**

Những người hành hương đến các di tích chùa, đền, quán, điện thường hay gặp Đại. Những cây Đại la đà ở phía sau "Bất nhị pháp môn" (đường vào Phật pháp không có hai lối) thuộc đường lên "Đỉnh sơn tự" của khu vực chùa Thầy, hay đường lên Yên Tử và ở những chùa khác đã là những đại thụ điển hình. Vào mùa Đông, những cành Đại trụi lá vươn cành lên trời như những cành san hô, thân đại sù sì với những biểu to nhỏ hỗn nhiên, cùng với rễ cây lan tỏa trên mặt đất, khiến cho trong vô thức, người viễn khách như cảm thấy đã vượt qua được chính mình để nhập vào cõi "thanh hư" (miền bản thể, cốt lõi, trong sạch tuyệt đối).

Trong nhận thức của người Việt nói chung, cây Đại mang tư cách là một cây "Thiên mệnh", cũng gọi là cây "mệnh", có nghĩa là vào mùa Đông, dương khí ở trần gian cạn kiệt, sức sống của muôn loài gặp khó khăn trắc trở, gần như chỉ mình cây Đại vươn tay lên trời để hút sinh lực nhằm duy trì sự sống ở thế gian. Hình thức của cây "thiên mệnh", dạng Đại, đã thấy được đưa vào trong tạo hình của nhiều thời, ít nhất từ thế kỷ XIII tới nay, chủ yếu là ở thời kỳ nghệ thuật dân gian phát triển (thuộc thế kỷ XVI - XVII). Người ta cũng thấy đề tài này làm nền cho những cặp âm dương đối đãi hay như những đường gân ở trong lá thiêng. Vào thời Nguyễn, hình thức ấy được thể hiện nổi ngay giữa tâm mặt trước ngai vàng của cung đình Huế. Trong di tích, Đại được trồng hai bên đường vào, ở xung quanh chùa, nhưng quan trọng hơn, thông thường có hai cây Đại chính nằm ở hai bên cửa của Tiền Đường, Tiền Bái, bởi chúng tượng trưng cho sức linh của thần, nơi tụ sinh khí (nhất là ở những biểu của nó). Trong tín ngưỡng dân gian, xưa kia người ta thường thắp hương ở cành hoặc gốc Đại, và trong ngày hội, nhiều người khi du xuân còn sờ vào những biểu của Đại như muốn tìm lấy một chút sinh lực cho chính mình.

#### **Cây Thông:**

Thông là loại cây cao, lá nhỏ mang nhiều vẻ đẹp thanh tao. Trong tư duy của người Việt,

Thông có nghĩa là hiểu biết, vì thế nó thường gắn với ngôi Chùa để biểu hiện cũng để nhắc nhở con người quan tâm tới trí tuệ. Vì thế, Thông thường được trồng ở trên đường vào, đồng nhất với đường vào cửa Phật.

Ở một lĩnh vực khác, Thông còn tượng trưng cho người quân tử, gắn với tư tưởng thiên và Lão Trang - một khía cạnh nào đó còn mang bóng dáng của người anh hùng. Thông cũng mang tư cách là một "trục vũ trụ", nối tầng trên với tầng dưới. Ở Việt Nam, nhiều khi thông là con đường thông linh dẫn kiếp đời đã qua về miền thường trụ, Điển hình như ở Huế, người ta không trồng Thông ở nơi người sống ở cung điện, mà chỉ trồng ở nơi lăng mộ.

#### **Cây Mít**

Mít là loại cây có gỗ quánh, dẻo, bền, ít mối mọt nên được người xưa sử dụng cho kiến trúc và tạc tượng. Nhưng thực ra, Mít không đơn giản chỉ là vật liệu đơn thuần, mà ý nghĩa của nó mới được quan tâm. Mít là loại cây ở phía Tây tràn vào nước Việt. Tên chữ Phạn là Paramita. (có lẽ, người Việt đọc tắt là Mít), âm Hán - Việt đọc là "Ba la mật đa" cũng có nghĩa là "đáo bỉ ngạn" (đến bờ giác ngộ). Vì thế, có thể nghĩ Mít là tượng trưng của đại trí tuệ, đại giác ngộ, nên cây Mít được trồng trong chùa để nhắc nhở kiếp tu và chúng sinh về một khía cạnh của tinh thần Phật giáo. Từ thời Mạc trở về trước, đã dùng gỗ Mít cho kiến trúc để nói về di tích tôn giáo là miền của trí tuệ, của thiện tâm. Tượng gỗ Mít cũng mang tư cách vị thần linh hoặc thị giả liên quan đến thần linh ấy đều lấy trí tuệ làm đầu. Đồng thời, ngày hội của Chùa thường cũng lấy lá Mít để làm lễ oản, nhằm chúc phúc cho phật tử. Với tinh thần trọng trí tuệ ấy khiến chúng ta nhớ đến một tổng kết của người xưa:

Phi trí bất hưng, phi thương bất phú, phi công bất hoạt, phi nông bất ổn.

#### **Cây Sung:**

Cây Sung thường được trồng ở bờ ao sau Chùa, nơi gắn với cuộc sống trần gian của các kiếp tu. ở nước ta không có cây "vô ưu" nên nhiều khi người ta đồng nhất Sung với loại cây này để nhắc nhở kiếp tu vượt qua mọi ưu tư phiền não của cuộc đời, nhằm chuyên tâm vào trí tuệ, tìm đường giải thoát. Sung nhắc nhở con người hãy dẹp bỏ lòng trần đầy sự tối tăm và khổ đau..., mà tìm tới Chân Như của Đạo. Ngoài ra, Sung cũng là biểu tượng của hạnh

phúc, mang nghĩa sung túc, sung mãn được tượng trưng bằng sự sinh sôi, phát triển với những quả chi chít của nó. Sung còn là vị thuốc mà đôi khi nhà Chùa dùng để chữa bệnh cho chúng sinh, phật tử.

**Cây Gạo:**

Gạo là loại cây thân gỗ mềm, đặc biệt có gai lớn và hoa đỏ. Gạo thường được trồng ở Đền, Quán và ở những ngôi Chùa đặc biệt mang thêm yếu tố đền thờ Thánh, Thần (chùa Thầy thờ thánh Từ Đạo Hạnh, chùa Keo có thánh Nguyễn Minh Không...). ở Tây Nguyên, trong những lễ đâm trâu, người ta thường trồng giữa bốn cột Gung một cành Gạo đầy gai nhằm mục đích cho linh hồn của ông Mo (qua xuất thần) cưỡi trên linh hồn của trâu đi lên tiếp cận với tầng trên. ở một giới hạn nào đó, cây Gạo là đường đi về của thần linh, của linh hồn và là một "trục vũ trụ" chuyển sinh lực tầng trên xuống mặt đất. Người Việt đã một thời quan niệm rằng: Mùa Đông, sinh khí cạn kiệt, Gạo trụi lá, nhưng sang Xuân dương khí nẩy sinh, Gạo ra hoa đỏ rực (đã dẫn đến một liên tưởng là những ngôi sao của bầu trời) chứa đầy sinh lực, đã chảy qua thân cây mà truyền xuống đất và nước cho muôn loài sinh sôi. Trong quá khứ, do một số người có nhận thức chưa đầy đủ, đã thiêng hóa Gạo quá đáng, coi như thần và đem hương thấp dưới gốc.

**Cây um tùm:**

Thường được nghĩ tới là Si/Sanh, muỗm, sấu, thậm chí cả Thị... Những cây này được điểm xuyết trong di tích, nhất là ở chùa, là nơi mà các linh hồn bơ vơ thường ngụ. Tất nhiên những cây này ít khi được đặt ở vị trí trọng yếu của khuôn viên như những cây thiêng khác. Sự um tùm của chúng thường làm cho di tích có vẻ thêm linh thiêng, nhưng nó cũng biểu hiện về ý thức nhân đạo vô bờ bến của tổ tiên ta. Người xưa trồng những cây này để cho những kiếp đời đã qua, không nơi nương tựa, được hưởng lộc rơi, lộc vãi của thần linh và nghe tiếng kinh, tiếng kệ mà diệt trừ sự tàn ác rồi siêu sinh tịnh độ.

Có thể nghĩ, cây um tùm còn cây Đa. Nhưng cây Đa thường là một cây lớn của làng hay gần với mái đình quán, một kiến trúc nhỏ làm chỗ nghỉ cho khách đi đường hoặc cho những người lao động tránh mưa, nắng (không phải đình làng)

(kỳ sau: Mặt bằng của kiến trúc truyền thống)

PHẠM CAO QUÝ  
(THEO TƯ LIỆU CỦA TRẦN LÂM)



Trục Thông Linh - đá - thôn Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, HN- Ảnh: Nguyễn Văn Nhị